

Bản án số: 129/2024/HS-ST

Ngày 10 – 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Hiếu.

Thẩm phán: Bà Tòng Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Kim Dung, bà Trịnh Lan Anh, ông Nguyễn Duy Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Quàng Hồng Nét, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Như Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 136/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Lò Văn C, sinh ngày 30 tháng 5 năm 1981, tại **huyện M, tỉnh Sơn La**, nơi ĐKKHTT: **Tổ E, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La**; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông **Lò Văn C1**, sinh năm 1956 và bà **Cầm Thị T** (đã chết); bị cáo có vợ thứ nhất là **Đàm Thị T1** (đã ly hôn), vợ hai: **Phạm Thị Trang N**, sinh năm 1980 và 05 con (Con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/12/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn C:** Ông **Đèo Văn H**, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S. Có mặt.

- **Bị hại:** **Trần Văn T2**, sinh năm 1991, trú tại: **Tổ A, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La** (Đã chết).

- **Người đại diện theo pháp luật của bị hại:** Chị **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1990; địa chỉ: **Tổ A, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La**. Có mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ **Công ty trách nhiệm hữu hạn T6**, người đại diện theo pháp luật Ông **Nguyễn Việt T3** – giám đốc; địa chỉ: **Số G, đường L, phường L, thành phố H**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị **Phạm Thị Trang N**; sinh năm 1980; địa chỉ: **Tiểu khu A, thị trấn M**,

huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

+ Ông **Trần Văn H2**; sinh năm 1963; địa chỉ: **xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên** (bố của bị hại). Vắng mặt. Đại diện theo uỷ quyền: Bà **Chu Thị H3**; sinh năm 1964; địa chỉ: **T, K, Hưng Yên**. Có mặt.

+ Bà **Chu Thị H3**; sinh năm 1964; địa chỉ: **xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên** (mẹ của bị hại). Có mặt.

+ Chị **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1990; địa chỉ: **Tổ A, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La** (vợ của bị hại). Có mặt.

+ Cháu **Trần Bảo N1**, sinh năm 2015; Cháu **Trần Thảo V**, sinh năm 2022 (con của bị hại); địa chỉ: **Tổ A, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La**. Đại diện theo pháp luật: Chị **Nguyễn Thị H1**. Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông **Phạm Văn C2**, sinh năm 1962. Địa chỉ: **Tổ A, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La**. Có mặt.

+ Anh **Trần Văn H4**, sinh năm 1980. Nơi thường trú: **Tổ A, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La**; nơi ở hiện tại: **Tổ C, phường T, thành phố S, tỉnh Sơn La**. Có mặt.

+ Anh **Cà Văn T4**, sinh năm 1986. Địa chỉ: **Tổ A, phường C, thành phố S**. Có mặt.

+ Anh **Lèo Hải S**, sinh năm 1993. Địa chỉ: **Bản C, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La**. Có mặt.

+ Anh **Tòng Văn T5**, sinh năm 1988. Địa chỉ: **Tổ A, phường C, thành phố S**. Có mặt.

+ Anh **Đoàn Xuân V1**, sinh năm 1982. Địa chỉ: **Tổ F, phường C, thành phố S**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn **T6** có trụ sở tại **số G, đường L, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên** (Công ty **T6**) hợp đồng thuê 01 (một) xe ô tô tải biển kiểm soát 89C - 044.06 của Công ty trách nhiệm hữu hạn **T7** có trụ sở tại **số A, đường L, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên** (Công ty **T7**) để chở hàng bánh kẹo từ tỉnh Bắc Ninh đến giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên **T8** tại **tổ F, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La** (Công ty **T8**). Công ty **T6** giao xe ô tô tải BKS 89C - 044.06 cho lái xe **Lò Văn C** (là nhân viên hợp đồng) điều khiển và vận chuyển hàng hóa.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 03/12/2023, **Lò Văn C** điều khiển xe ô tô tải BKS 89C - 044.06 chở hàng bánh kẹo đến kho của Công ty **T8** ở **tổ F, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La** thì được anh **Phạm Văn C2**, sinh năm 1962, trú tại **tổ A, phường C, thành phố S** (là quản lý Công ty **T8**) mời Cầu nghỉ lại ăn cơm trưa để buổi chiều giao và nhận hàng. Cùng ăn cơm tại sân phía sau kho hàng của Công ty **T8** có 08 (tám) người gồm: **Phạm Văn C2, Lò Văn C, Trần Văn T2, Trần Văn**

H4 đều trú tại tổ A, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La; Cà Văn T4, Tòng Văn T5, Tòng Văn C3 đều trú tại tổ A, phường C, thành phố S và Lèo Hải S trú tại bản C, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Sau đó, C2 và C3 ăn xong trước nên ra bàn ngồi uống nước còn 06 (sáu) người còn lại tiếp tục ngồi ăn cơm, uống rượu. Lò Văn C uống hết 03 (ba) cốc rượu (loại cốc thủy tinh 200ml) nên có biểu hiện say rượu nói nhiều, Cầu mời mọi người sau khi ăn cơm xong cùng nhau đi hát karaoke. Đến khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi ăn cơm xong C, T2, T4, H4, S, T5 cùng ngồi ở bàn uống nước gần cửa kho hàng (cách vị trí ngồi ăn cơm khoảng 50 m). Toàn, C, H4 ngồi quay lưng vào tường kho hàng, quay mặt ra bàn uống nước còn T4, S, T5 đứng, ngồi đối diện. T2 dùng điện thoại gọi xe taxi đón đi hát karaoke, trong lúc chờ xe taxi đến đón T2 dùng bật lửa ga bật lửa rồi dí sát ngọn lửa vào cầm của Lò Văn C và nói “có dậy đi không”, Lò Văn C dùng tay phải đang cầm điện thoại vùng từ dưới lên đập vào đuôi lông mày trái của T2 làm rách da chảy máu. Thấy vậy, H4 bảo C đưa điện thoại cho H4 cầm, tránh va vào người khác, C nói “Tao không đưa đây mày làm gì được tao”, H4 và C to tiếng cãi nhau, giằng giật xô đẩy nhau thì T4, S, T5 và Đoàn Xuân V1 là lái xe taxi vào can. T2 cầm ống điều hút thuốc lao đi đến chỗ C thì T5 đẩy T2 ra còn T4 đẩy C đi về phía xe ô tô BKS 89C - 044.06, Cầu quay lại nhìn thấy T2 cầm ống điều thuốc lao và có nhiều người đứng xung quanh T2 nên C cho rằng mọi người đang tập trung để đánh mình. C đi lên ca bin xe ô tô BKS 89C - 044.06 rút lấy thanh kiếm để sau ghế lái rồi chạy đến chỗ bàn uống nước thì mọi người bỏ chạy còn lại một mình T2 không chạy mà ngồi trên ghế ở cạnh bàn uống nước. C lao đến chỗ T2 đang ngồi hai tay cầm chuôi kiếm vùng lên quá đầu, chém mạnh một nhát từ trên xuống dưới, chệch từ phải sang trái trúng vào cổ bên trái của T2. Sau đó, C cầm thanh kiếm đuổi theo V1 và T4 đang đứng ở gần đó nhưng không đuổi được nên cầm kiếm quay lại khu vực kê bàn uống nước thì Phạm Văn C2 đi đến giằng lấy thanh kiếm trên tay C để vào góc kho cách bàn uống nước khoảng 04 m. Chúc cùng mọi người đưa T2 đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh S. Còn Lò Văn C lên cabin xe ô tô BKS 89C - 044.06 ngủ. Đến 16 giờ 00 phút cùng ngày, Trần Văn T2 tử vong, Phạm Văn C2 đã gọi điện thoại trình báo sự việc với Công an đề nghị giải quyết

Vật chứng của vụ án thu giữ:

- 01 thanh kiếm có chiều dài 84 cm, lưỡi kiếm bằng kim loại, cán kiếm bằng gỗ màu nâu và 01 bao kiếm bằng gỗ kích thước 60 cm x 04 cm x 02 cm điểm đầu và điểm cuối bao kiếm bọc 01 lớp kim loại màu vàng rộng 2,8 cm.
- 01 điện thoại di động Iphone màu trắng bạc (đã qua sử dụng); 01 thẻ căn cước công dân và 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy đều mang tên Lò Văn C.
- 01 điện thoại Samsung Galaxy A32 màu đen của Trần Văn T2 (đã qua sử dụng).

* Hiện trường vụ án:

Biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 19 giờ 30 phút ngày 03/12/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh S, xác định:

Hiện trường là kho hàng của Công ty T8 thuộc tổ F, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Hiện trường đã bị xáo trộn do cấp cứu người bị hại.

Hướng Bắc giáp đường H thuộc tổ F, phường C, thành phố S; hướng Nam tiếp giáp là đất ruộng thuộc bản Săng Cang, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; hướng Đông tiếp giáp nhà bà Nguyễn Thị M khu dân cư tổ F, phường C, thành phố S; hướng Tây tiếp giáp với nhà ông Giang Thế C4 khu dân cư tổ F, phường C, thành phố S.

Hiện trường cụ thể là kho hàng của Công ty T8 thuộc tổ F, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La có kích thước 48 m x 23,5 m, cao 09m có mái tôn, có cửa phía Bắc bằng kim loại dạng cửa xếp cao 1,58 m; phía Tây là khu nhà làm việc có kích thước 33 m x 05 m chia hai tầng mỗi tầng có 05 (năm) phòng làm việc; cách cửa phòng làm việc về hướng N 08 m là ô tô biển kiểm soát 89C - 044.06 trên sân kho có để nhiều xe ô tô và xe mô tô, phía bắc tường kho hàng có kê 01 (một) bộ bàn ghế gỗ trên diện kích thước 3,5 m x 1,5 m x 0,7 m có bàn cách dây ghế 25 cm về hướng Bắc, bàn bằng gỗ mặt kính trên mặt bàn và dưới gầm bàn có nhiều vật dụng như ấm chén, ấm siêu tốc...trên bề mặt kính của bàn góc Tây Nam có nhiều dịch màu nâu đỏ dạng đọng vẩy trên diện 24 cm x 31 cm; hàng ghế kê sát góc tường phía Bắc của kho hàng cách tường 5,2 m; (vị trí số 01) là chiếc ghế gỗ ngoài cùng phía Tây trên mặt ghế có 01 (một) tấm thảm vải màu đỏ trắng có kích thước 54 cm x 54 cm góc Đông Nam của thảm có bám dính dịch đỏ dạng chảy chưa khô trên diện 28 cm x 30 cm thấm xuống mặt sau của thảm xuống mặt ghế; (vị trí số 02) thành ghế để tay có bám dính dịch nâu đỏ dạng nhỏ giọt, bắn rải rác; (vị trí số 03) trên thành để tay của ghế gỗ dài có nhiều dịch đỏ bám dính; (vị trí số 04) trên thành tựa lưng của ghế gỗ đơn có dính nhiều dịch đỏ dạng bắn, vẩy, nhỏ giọt và chảy xuống dưới; vị trí 05, 06, 07 xuống dưới sàn xi măng và bề mặt tường có dịch màu nâu đỏ dạng lỏng, chảy và dạng giọt bắn, vẩy, nhỏ giọt; phía Bắc kho hàng cách tường phía Đông Bắc 1,4 m phát hiện 01 (một) thanh kiếm dài 84 cm có chuôi bằng gỗ, lưỡi kiếm có bám dính nâu đỏ dạng chùi, đóng vẩy rải rác cả hai mặt lưỡi kiếm (lưỡi kiếm bị cong vênh); khám trên xe tải nhãn hiệu HINO biển kiểm soát 89C- 044.06 xe thùng chuyên chở hàng xác định trên mặt ghế phía sau ghế lái cách 15 cm phát hiện 01 (một) bao kiếm bằng gỗ kích thước 60 cm x 04 cm x 02 cm điểm đầu và cuối có bọc kim loại màu vàng rộng 2,8 cm.

Kết quả giám định:

Tại biên bản khám nghiệm tử thi hồi 17 giờ 45 phút ngày 03/12/2023; Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 68/KLGĐTT-PC09 ngày 21/12/2023 của Phòng K Công an tỉnh S đối với Trần Văn T2, xác định nguyên nhân chết:

“Ngừng tim phổi do đứt tủy cổ, mất máu cấp do vết thương động, tĩnh mạch cảnh trái”.

Bản kết luận giám định ADN số 05/24/KLGĐADN-PYQG ngày 08/12/2023 của V2, xác định:

“Mẫu ADN thu giữ từ mẫu giám định ký hiệu K, M1 trùng khớp hoàn toàn với ADN của Trần Văn T2...”

Tại bản Kết luận giám định số 2576/KL- KTHS ngày 06/12/2023 của Phòng K Công an tỉnh S, kết luận:

“Mẫu máu ký hiệu M3 của tử thi **Trần Văn T2**, sinh năm 1991, trú tại tổ A, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La có E (còn). Nồng độ E (còn) là 27,4mg/100ml”.

Do có hành vi nêu trên, Tại Cáo trạng số 72/CT – VKSSL - P2 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố **Lò Văn C** về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

*** Tại phiên tòa sơ thẩm:** Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như cáo trạng và đề nghị:

- Tuyên bố: Bị cáo **Lò Văn C** phạm tội “Giết người”.
- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lò Văn C** 20 năm tù.
- Về trách nhiệm dân sự:
 - + Tiền mai táng phí: Chấp nhận số tiền mai táng phí là 84.321.000đ.
 - + Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần: tương ứng với 80 tháng lương tối thiểu là 144.000.000đ
 - + Tiền cấp dưỡng cho cháu **N1** và cháu **V** con của bị hại: Đề nghị cấp dưỡng mỗi cháu 1.820.000đ/1 cháu/1 tháng, thời hạn cấp dưỡng từ 3/12/2023 đến khi cháu **N1** và cháu **V** đủ 18 tuổi.
 - + Đề nghị chấp nhận trừ số tiền gia đình bị cáo và công ty đã hỗ trợ cho gia đình bị hại vào số tiền mai táng phí và tiền bồi thường tổn thất tinh thần.
- Về vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 thanh kiếm có chiều dài 84 cm, lưỡi kiếm bằng kim loại, cán kiếm bằng gỗ màu nâu và 01 bao kiếm bằng gỗ kích thước 60 cm x 04 cm x 02 cm điểm đầu và điểm cuối bao kiếm bọc 01 lớp kim loại màu vàng rộng 2,8 cm, do bị cáo đã sử dụng vào hành vi phạm tội.
- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Iphone màu trắng bạc (đã qua sử dụng); 01 thẻ căn cước công dân và 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy đều mang tên **Lò Văn C**.
- Trả lại cho đại diện hợp pháp cho người bị hại: 01 điện thoại Samsung Galaxy A32 màu đen của **Trần Văn T2**.

*** Tại phiên tòa sơ thẩm:** Người bào chữa cho bị cáo nhất trí quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Gia đình bị cáo tích cực bồi thường và bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo **Lò Văn C**: Khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố; nhất trí với quan điểm của người bào chữa; xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện hợp pháp cho người bị hại: Nhất trí với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
 - + Chị **Phạm Thị Trang N** không có yêu cầu đòi bị cáo số tiền 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu) gia đình đã bỏ ra để bồi thường cho gia đình bị hại.
 - **Công ty trách nhiệm hữu hạn T6**, người đại diện theo pháp luật Ông **Nguyễn Việt T3** – giám đốc: Đã có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu đòi lại số tiền 10.000.000đ đã hỗ trợ cho gia đình bị hại.
 - + Bà **Chu Thị H3** Chị **Nguyễn Thị H1** có ý kiến: Nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **Lò Văn C** có lời khai nhận tội phù hợp lẫn nhau, đều thể hiện: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 03/12/2023, tại kho hàng của **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T8** ở tổ F, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La, **Lò Văn C** cùng **Trần Văn T2**, **Trần Văn H4** và một số người khác ăn cơm, uống rượu tại sân kho hàng. Sau khi ăn cơm, uống rượu xong, **Lò Văn C** có mâu thuẫn, xích mích với **T2** và **H4**. Thấy có người cầm ống điều nghi rằng người đó sẽ đánh mình. **Lò Văn C** đã dùng một thanh kiếm bằng kim loại dài 84 cm có 01 (một) lưỡi sắc, đầu kiếm nhọn chém 01 nhát vào vùng cổ trái của **Trần Văn T2** dẫn đến **Trần Văn T2** tử vong.

[2.2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với kết quả điều tra, được chứng minh bằng các căn cứ, như: Lời khai của bị cáo phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường; kết quả thực nghiệm điều tra, bị cáo đã diễn tả lại hành vi phù hợp với kết quả hình ảnh thu giữ qua camera giám sát tại kho hàng **Công ty T8**; phù hợp với vật chứng đã thu giữ là 01 thanh kiếm có chiều dài 84 cm, lưỡi kiếm bằng kim loại, cán kiếm bằng gỗ màu nâu và 01 bao kiếm bằng gỗ kích thước 60 cm x 04 cm x 02 cm điểm đầu và điểm cuối bao kiếm bọc 01 lớp kim loại màu vàng rộng 2,8 cm; kết quả bị cáo nhận dạng vật chứng; kết quả khám nghiệm tử thi, các kết luận giám định pháp y; lời khai của người làm chứng (BL 378) **Cà Văn T4** nhìn thấy **Lò Văn C** cầm kiếm chém **T2**; đồng thời những người làm chứng **Phạm Văn C2**, **Trần Văn H4**, **Cà Văn T4**, **Tòng Văn T5**, **Lèo Hải S**, **Đoàn Xuân V1** đều có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo. Ngoài ra còn các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án.

[2.3] Với các căn cứ chứng minh trên, có đủ cơ sở kết luận bị cáo **Lò Văn C**

có đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã dùng kiếm chém tử vong người bị hại là anh **Trần Văn T2**, hành vi của bị cáo đã phạm tội Giết người theo quy định tại Điều 123 Bộ luật Hình sự.

[3] Tình tiết định khung hình phạt:

Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt trong đời sống, bị cáo **Lò Văn C** đã dùng hung khí nguy hiểm chém người bị hại dẫn đến tử vong, hành vi của bị cáo thể hiện tính chất côn đồ, do đó đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự, quy định mức hình phạt tù từ 12 đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Gia đình bị cáo đã tích cực bồi thường thiệt hại, là 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà vợ của người bị hại thừa nhận do gia đình bị cáo có quan tâm thăm hỏi nên có viết đề nghị cơ quan chức năng xét xét sớm cho bị cáo trở về với gia đình và xã hội và tại phiên toà chỉ **H1** vẫn giữ nguyên đề nghị này; Gia đình bị cáo có ông nội, ông ngoại được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất và hạng nhì; bố đẻ bị cáo được **Ủy ban nhân dân tỉnh S** tặng Bằng khen là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Đánh giá về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm tính mạng của người bị hại; thể hiện sự côn đồ, coi thường pháp luật và những quy tắc ứng xử trong cuộc sống, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong dư luận và quần chúng nhân dân. Sau khi cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, đảm bảo biện pháp trừng trị, cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung, phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 584, Điều 585, 586, 590, 591 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Do các bên không thoả thuận được số tiền bồi thường, tuy nhiên tại phiên toà đại diện hợp pháp cho người bị hại nhất trí với mức đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ cần chấp nhận và buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại do chị **Nguyễn Thị H1** làm đại diện các khoản chi phí sau:

- Trên cơ sở các hoá đơn chứng từ do phía bị hại xuất trình xét thấy các chi phí hợp lý mai táng phí cần chấp nhận gồm: Tiền mua mộ, bia mộ, tiền quan tài,

lái xe tang, viện phí, mua tiêu, hoá táng, đồ vật thắp hương, phong rạp, các đồ vật khâm liệm tổng số tiền là 84.231.000đ (tám mươi tư triệu hai trăm ba mươi một nghìn đồng).

- Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần tương ứng 80 tháng lương tối thiểu là 144.000.000đ.

Như vậy, tổng số các khoản tiền bị cáo phải bồi thường cho gia đình bị hại do chị **Nguyễn Thị H1** là người đại diện tổng số tiền là 228.231.000đ, gia đình bị cáo đã bồi thường, **công ty T6** hỗ trợ tổng số tiền 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) còn phải bồi thường tiếp số tiền là 103.231.000đ (Một trăm linh ba triệu hai trăm ba mươi một nghìn đồng).

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Những người bị hại anh **T2** có nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc nuôi dưỡng trước khi chết gồm:

+ Bố mẹ và vợ của anh **Trần Văn T2** là ông **Trần Văn H2** và bà **Chu Thị H3**, chị **Nguyễn Thị H1** không thuộc trường hợp không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi mình do đó bị cáo không có nghĩa vụ cấp dưỡng.

+ Tại thời điểm bị hại **Trần Văn T2** chết, bị hại có 02 con là cháu **Trần Bảo N1**, sinh ngày 19/3/2015; Cháu Trần Thảo Vi sinh ngày 19/10/2022 là người chưa thành niên do vậy cần buộc bị cáo cấp dưỡng cho cháu **N1** và cháu **V** đến khi các cháu đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng là 1.820.000đ/1 tháng/ 1 cháu. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày **Trần Văn T2** bị xâm phạm tính mạng là ngày 03/12/2023.

[8] Về vật chứng:

- Đối với 01 thanh kiếm có chiều dài 84 cm cùng 01 vỏ bao dao (đã niêm phong theo đúng quy định) xét thấy đây là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu, tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động Iphone màu trắng bạc (đã niêm phong); 01 thẻ căn cước công dân và 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy đều mang tên **Lò Văn C**, là tài sản và giấy tờ tùy thân không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại Samsung Galaxy A32 màu đen của **Trần Văn T2** (đã niêm phong) cần trả lại cho gia đình anh **T2**.

Đối với chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 89C - 044.06 được xác định chủ sở hữu là **Công ty T7** nhưng hiện xe ô tô đang thuộc quyền quản lý, sử dụng của **Công ty T6**. Khi **Công ty T6** giao xe cho bị can Lò Văn Cầu có hợp đồng để chuyển chở hàng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị can. Xét thấy việc trả lại xe ô tô cho **Công ty T6** không làm ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án. Ngày 05/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh S** đã trả lại xe ô tô biển kiểm soát 89C - 044.06 cho **Công ty T6** là có căn cứ.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bồi thường còn cho bị hại và án phí đối với số tiền cấp dưỡng hàng tháng theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo **Lò Văn C** phạm tội “Giết người”.
- Xử phạt bị cáo **Lò Văn C** 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 03/12/2023).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền bị cáo **Lò Văn C** phải bồi thường cho gia đình bị hại (gồm bố, mẹ, vợ và 02 con của người bị hại) do chị **Nguyễn Thị H1** là người đại diện là 228.231.000đ (Hai trăm hai mươi tám triệu hai trăm ba mươi một nghìn đồng), ghi nhận sự tự nguyện của gia đình bị cáo đã bồi thường và **công ty T6** hỗ trợ số tiền 125.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng) bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền là 103.231.000đ (Một trăm linh ba triệu hai trăm ba mươi một nghìn đồng).

Bị cáo có nghĩa vụ cấp dưỡng cháu **Trần Bảo N1**, sinh ngày 19/3/2015; cháu **Trần Thảo Vi s** ngày 19/10/2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng là 1.820.000đ/1 tháng/1 cháu. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày **Trần Văn T2** bị xâm phạm tính mạng là ngày 03/12/2023. Giao cho chị **Nguyễn Thị H1** đại diện hợp pháp cho cháu **N1**, cháu **V** nhận tiền cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (Một) bao kiểm bằng gỗ, kích thước 60cm x 04cm x 02cm, điểm đầu và điểm cuối bao kiểm bọc lớp kim loại màu vàng, rộng 2,8cm và đan xen 02 lớp kim loại màu vàng rộng 01cm, miệng bao kiểm kích thước 3cm x 0,6cm, chỗ hẹp nhất 0,5cm

+ 01 (Một) gói vật chứng (bằng bìa cát tông) nguyên niêm phong, một mặt ghi: "01 (một) thanh kiếm, lưỡi bằng kim loại được thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường vụ Giết người xảy ra ngày 03/12/2023 tại **tổ F, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La**". Tại các mép giáp lai được dán 03 giấy niêm phong màu trắng có chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu tròn đỏ của **V2**. Ký hiệu V05K_24 (Bên trong gói niêm phong 01 thanh kiếm có chiều dài 84cm, cán kiếm bằng gỗ màu nâu, lưỡi kiếm bằng kim loại, đầu nhọn).

- **Trả lại cho người đại diện hợp pháp của bị hại **Trần Văn T2** chị **Nguyễn Thị H1**:**

+ 01 (Một) chiếc phong bì thư do Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh S phát hành nguyên niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “ 01 Điện thoại di động của anh Trần Văn T2 thu giữ ngày 03/12/2023”. Tại các mép giáp lai được dán giấy niêm phong do Công an tỉnh S phát hành, trên giấy niêm phong có chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia niêm phong và 02 (hai) hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh S (Bên trong phong bì niêm phong 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A32 màu đen).

- **Trả lại cho bị cáo Lò Văn C:**

+ 01 (Một) chiếc phong bì thư do Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh S phát hành nguyên niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “Điện thoại di động Iphone phát hiện trong quá trình khám nghiệm hiện trường”. Tại các mép giáp lai được dán giấy niêm phong số 064719 do Công an tỉnh S phát hành, trên giấy niêm phong có chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia niêm phong và 02 (hai) hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh S (Bên trong phong bì niêm phong 01 điện thoại di động Iphone màu trắng bạc, màn hình bị rạn nứt).

+ 01 (Một) căn cước công dân số 014081010869 mang tên Lò Văn C, cấp ngày 14 tháng 08 năm 2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Bộ C5.

+ 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 065073, do phòng C6 Công an tỉnh S cấp ngày 13 tháng 07 năm 2019 mang tên Lò Văn C.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S đã trả lại xe ô tô biển kiểm soát 89C - 044.06 cho Công ty T6.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15; Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lò Văn C phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lò Văn C phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng và 5.161.600đ (Năm triệu một trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, tổng số án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải nộp là 5.461.000đ (Năm triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, đại diện hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10/6/2024); người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; Luật sư;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tòng Thị Hiền

Lại Thị Hiếu

